

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Trần Anh Dũng

* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp : “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-DS ngày 09/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2019/QĐST-DS ngày 22/5/2019 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Giáp Văn B, sinh năm 1953 (Có mặt tại phiên tòa)

Cư trú: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

* **Đồng bị đơn:**

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Chị Dương Thị N, sinh năm 1980 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều cư trú: Khu C, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2019 của nguyên đơn là ông Giáp Văn B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Năm 2017 ông có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn K, chị Dương Thị N vay số tiền là 24.800.000 đồng để anh K, chị N kinh doanh bán hàng tạp hóa. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất do bên vay tự nguyện trả. Chị N có

viết giấy vay tiền ghi ngày 22/3/2017 âm lịch và ký tên tại phần người vay. Khi vay thì anh K không ký trong giấy vay nhưng có biết việc ông cho chị N vay tiền. Do chị N không trả được tiền theo thỏa thuận nên ông đã yêu cầu anh K viết lại giấy vay tiền ghi ngày 19/3/2018 âm lịch chốt lại số tiền vay. Giấy vay tiền do anh K viết ghi nội dung anh Kiên vay của ông số tiền 24.500.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, sau 04 tháng phải trả hết. Hai giấy vay tiền trên là của cùng 01 khoản vay.

Sau khi vay tiền thì ngày 11/10/2018 dương lịch anh K có trực tiếp trả cho ông được 1.000.000 đồng tiền gốc, không trả được tiền lãi lần nào.

Đối với việc chị N trình bày về việc số tiền vay 24.800.000 đồng là cộng cả tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng và chị N chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc 20.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Việc vay nợ như ông đã trình bày là đúng sự thật, ông yêu cầu anh K, chị N phải có trách nhiệm trả tiền cho ông theo như giấy vay tiền mà chị N, anh K đã ký.

Nay ông yêu cầu buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N trả ông số nợ gốc là 23.500.000 đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh thì ông Bình rút yêu cầu và không yêu cầu anh K, chị N phải trả và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B xác định vợ ông là Nguyễn Thị B không tham gia việc vay tiền này. Đề nghị không đưa bà Nguyễn Thị B vào tham gia tố tụng. Giữa ông với anh K, chị N không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Dương Thị N trình bày:

Ngày 22/3/2017 âm lịch, chị có vay tiền của ông Giáp Văn B để về kinh doanh bán hàng tạp hóa. Khi vay tiền thì chỉ một mình chị đi vay, không bàn bạc hay nói cho chồng chị biết. Tại nhà ông B thì chị có vay ông B số tiền là 20.000.000 đồng, nhưng ông B nói với chị tiền lãi của khoản vay này trong 01 tháng là 4.800.000 đồng. Ông B yêu cầu chị viết giấy vay tiền ghi số tiền vay là 24.800.000 đồng (cộng cả gốc và lãi). Chị xác nhận giấy vay tiền ghi ngày 22/3/2017 âm lịch mà ông B nộp cho Tòa án là do chị viết toàn bộ nội dung và ký tên tại phần người vay. Ngày 19/3/2018 âm lịch, do chị không trả được hết nợ cho ông B theo thỏa thuận nên ông Bình yêu cầu chồng chị là Nguyễn Văn K cam kết trả số tiền mà chị đã vay. Khi đó chồng chị mới biết việc chị vay tiền ông B và đồng ý cùng chị trả dần số tiền đã vay. Giấy vay tiền ghi ngày 19/3/2018 âm lịch thì chị không biết do ai viết và ký tên. Từ khi vay tiền ông B chị đã trả rất nhiều tiền lãi và đã trả được 1.000.000 đồng nợ gốc. Nhưng các lần trả tiền gốc và lãi thì hai bên không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả nợ gốc là 23.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Về tiền gốc thì chị chỉ công nhận và đồng ý trả 20.000.000 đồng vì thực tế chị chỉ được nhận 20.000.000 đồng khi vay tiền ông B, chị xin được trả dần tiền nợ gốc. Do chị đã trả rất nhiều tiền lãi nên chị xin được miễn trả tiền lãi.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 21/01/2019 tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 14/TB-TLVA ngày 18/01/2019 đối với anh Nguyễn Văn K và chị

Dương Thị N. Ngày 22/3/2019 tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 20/QĐ-CCTLCC, ngày 22/3/2019 đối với anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N về Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập. Ngày 12/4/2019 tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 14/TB-TA ngày 12/4/2019 đối với anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N và giấy triệu tập. Ngày 18/4/2019 tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 14/TB-TA ngày 18/4/2019 đối với anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N. Ngày 10/5/2019 tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/QĐXXST-DS, ngày 09/5/2019 và giấy triệu tập phiên tòa đối với anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N. Anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K, chị N không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh K, chị N là bị đơn.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 463, điều 466, điều 470 BLDS; Điều 37 Luật HNGĐ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Văn B buộc chị Dương Thị N, anh Nguyễn Văn K phải trả cho ông Giáp Văn B số tiền 23.500.000 đồng.

- Về án phí: Chị Dương Thị N, anh Nguyễn Văn K phải chịu 1.175.000 đồng tiền án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N nhưng anh K, chị N vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án này thì các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh

chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Giáp Văn B với anh Nguyễn Văn K, chị Dương Thị N và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh K, chị N không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh K, chị N phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nay ông Giáp Văn B kiện đòi anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N có trách nhiệm trả khoản tiền vay gốc 23.500.000 đồng là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Chị Dương Thị N ký nhận giấy vay nợ tiền của ông Giáp Văn B tại giấy vay nợ ghi ngày 22/3/2017 âm lịch và anh Nguyễn Văn K ký nhận giấy vay nợ tiền của ông Giáp Văn B tại giấy vay nợ ghi ngày 19/3/2018 âm lịch (tức ngày 04/5/2018 dương lịch) của cùng một khoản vay. Thời hạn thanh toán vào ngày 19/7/2018 âm lịch (tức ngày 29/8/2019 dương lịch). Sau ngày 19/7/2018 âm lịch, anh K, chị N không trả tiền cho ông B. Ông B đòi nợ nhiều lần nhưng không được. Ngày 10/01/2019, ông B nộp đơn khởi kiện. Như vậy việc khởi kiện của ông Giáp Văn B là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay nợ ghi ngày 22/3/2017 âm lịch và ngày ngày 19/3/2018 âm lịch có chữ viết, chữ ký của người vay là chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn K ký nhận vay tiền của ông B. Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền đã xác lập giữa các bên và quá trình làm việc giữa ông Giáp Văn B kiện đòi nợ anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N thì thấy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và lãi suất thỏa thuận miệng.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Dương Thị N viết và ký nhận nợ số tiền 24.800.000 đồng gốc, vay nợ từ ngày 22/3/2017 âm lịch hẹn đến ngày 22/4/2017 âm lịch thì trả. Lãi suất thỏa thuận miệng do bên vay tự nguyện trả. Vẫn khoản vay trên, anh Nguyễn Văn K viết và ký nhận nợ số tiền 24.500.000 đồng gốc, vay nợ từ ngày 19/3/2018 âm lịch hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, sau 04 tháng trả hết. Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay nợ tiền trên phù hợp lời khai của ông B là người cho vay, lời khai của bà B vợ ông B xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của ông B và vợ chồng anh K, chị N xác định có biết, có viết, ký giấy vay tiền ông B. Nên có cơ sở xác định khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng anh K, chị N theo Điều 37 Luật HNGĐ. Ông B, anh K, chị N đều công nhận việc anh K, chị N đã trả được 1.000.000 đồng tiền nợ gốc nên được trừ vào tiền nợ gốc. Chị N khai đã trả tiền lãi nhiều lần nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả tiền lãi, ông B không công nhận việc trả lãi theo như chị N trình bày. Anh K, chị N đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc thanh toán nợ này nên có cơ sở xác định anh K, chị N thực tế có nợ ông B số tiền gốc chưa trả 23.500.000 đồng là có thật. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông B và buộc anh K, chị N trả số tiền nợ gốc 23.500.000 đồng này.

[6] Tại phiên tòa, ông Giáp Văn B rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K, chị Dương Thị N phải trả số tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc là 23.500.000 đồng chưa trả theo lãi suất quy định của pháp luật kể từ

ngày vay tiền 4/5/2018 nên cần đình chỉ yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Bà Nguyễn Thị B là vợ ông B xác định không tham gia việc vay tiền và không liên quan đến tài sản chung vợ chồng. Bà Nguyễn Thị B đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng là đúng.

Anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 194; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật HNGĐ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N có nghĩa vụ trả ông Giáp Văn B tổng số tiền gốc là: 23.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Văn B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K, chị Dương Thị N phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa trả là 23.500.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N phải chịu 1.175.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Người tham gia tổ tụng;
- Lưu HS, VP.